

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC XÉT
CHUYỂN ĐỔI VÀ CÔNG NHẬN ĐIỂM CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-HV ngày /3/2021 của Giám đốc Học viện)

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyển đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
1	Vũ Văn Hải (Lớp: D16CQVT03-B MSV: B16DCVT107 Ngày sinh: 14/02/1991 CMT/CC: 135506489)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	6.0	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 775), cấp ngày 23/01/2021, thời hạn của chứng chỉ: 23/01/2023
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	5.2	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	6.2	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	6.3	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
2	Nguyễn Khắc Mạnh (Lớp: D16CQVT05-B MSV: B16DCVT205 Ngày sinh: 24/09/1998 CMT/CC: 027098000035)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	3.5	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 595), cấp ngày 22/01/2021, thời hạn của chứng chỉ: 22/01/2023
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	0.0	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	0.0	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	3.7	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
3	Vũ Đức Cường (Lớp: D16CQCN07-B MSV: B16DCCN039 Ngày sinh: 04/07/1998 CMT/CC: 026098000155)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	0.0	8	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 465), cấp ngày 21/9/2020, thời hạn của chứng chỉ: 21/9/2022
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	5.6	8	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	0.0	7	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	6.6	7	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyển đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
6	Phạm Vũ Thành (Lớp: D16CQPT01-B MSV: B16DCPT141 Ngày sinh: 04/06/1998 CMT/CC: 001098001184)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	5.1	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 625), cấp ngày 24/4/2021, thời hạn của chứng chỉ: 24/4/2023
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	5.4	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	6.5	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	7.0	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
7	Bùi Quang Vinh (Lớp: D16CQVT04-B MSV: B16DCVT348 Ngày sinh: 28/11/1998 CMT/CC: 017512770)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	4.2	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 635), cấp ngày 08/5/2021, thời hạn của chứng chỉ: 08/5/2023
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	0.0	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	4.9	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	0.0	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyển đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
8	Đặng Trung Kiên (Lớp: D16CQTT01-B MSV: B16DCTT032 Ngày sinh: 11/03/1998 CMT/CC: 017459335)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	4.6	8	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 460), cấp ngày 24/4/2021, thời hạn của chứng chỉ: 24/4/2023
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	5.0	8	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	0.0	7	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	0.0	7	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
9	Trần Công Minh (Lớp: D16CQKT01-B MSV: B16DCKT093 Ngày sinh: 19/05/1998 CMT/CC: 163411403)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	4.3	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 545), cấp ngày 09/5/2020, thời hạn của chứng chỉ: 09/5/2022
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	5.8	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	0.0	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	6.0	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
10	Lương Thị Mai Phương (Lớp: D16CQKT02-B MSV: B16DCKT110 Ngày sinh: 29/10/1997 CMT/CC: 145733210)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	4.6	8	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 465), cấp ngày 29/01/2021, thời hạn của chứng chỉ: 29/01/2023
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	4.8	8	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	4.1	7	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	2.9	7	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
11	Dương Thị Thu Hiền (Lớp: D16CQPT03-B MSV: B16DCPT043 Ngày sinh: 18/06/1998 CMT/CC: 122263145)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	3.7	8	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 465), cấp ngày 24/4/2021, thời hạn của chứng chỉ: 24/4/2023
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	4.0	8	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	5.5	7	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	4.4	7	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyển đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
12	Vũ Văn Vượng (Lớp: D16CQPT03-B MSV: B16DCPT175 Ngày sinh: 17/01/1998 CMT/CC: 013646052)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	4.9	9	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 515), cấp ngày 23/01/2021, thời hạn của chứng chỉ: 23/01/2023
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	3.4	9	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	0.0	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	3.4	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
13	Phan Trung Kiên (Lớp: D16CQPT04-B MSV: B16DCPT080 Ngày sinh: 05/05/1998 CMT/CC: 001098007223)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 880), cấp ngày 31/8/2020, thời hạn của chứng chỉ: 31/8/2022
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	7.3	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	6.6	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	x	6.6	10	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	x	7.0	10	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
14	Phạm Hữu Toàn (Lớp: D16CQDT04-B MSV: B16DCDT204 Ngày sinh: 04/06/1998 CMT/CC: 031098001488)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	2.7	8	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 460), cấp ngày 25/4/2021, thời hạn của chứng chỉ: 25/4/2023
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	0.0	8	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	0.0	7	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	1.5	7	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
15	Lương Duy Huynh (Lớp: D16CQDT01-B MSV: B16DCDT117 Ngày sinh: 28/01/1998 CMT/CC: 152228932)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	3.7	8	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 465), cấp ngày 20/01/2021, thời hạn của chứng chỉ: 20/01/2023
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	4.5	8	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	6.4	7	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	4.3	7	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyển đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
16	Nguyễn Trọng Tiến (Lớp: D16CQDT04-B MSV: B16DCDT200 Ngày sinh: 23/11/1998 CMT/CC: 142950050)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	5.9	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 615), cấp ngày 24/4/2021, thời hạn của chứng chỉ: 24/4/2023
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	6.9	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	6.7	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	6.7	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
17	Nguyễn Đăng Hiếu (Lớp: D16CQDT04-B MSV: B16DCDT068 Ngày sinh: 30/07/1998 CMT/CC: 017377204)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 680), cấp ngày 24/4/2021, thời hạn của chứng chỉ: 24/4/2023
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	6.8	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	6.9	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	x	6.5	10	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	x	5.7	10	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
18	Tạ Đức Đoàn (Lớp: D16CQDT04-B MSV: B16DCDT036 Ngày sinh: 15/05/1998 CMT/CC: 125819563)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 610), cấp ngày 24/4/2021, thời hạn của chứng chỉ: 24/4/2023
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	6.3	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	6.4	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	x	6.0	10	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	x	0.0	10	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
19	Nguyễn Khắc Mẫn (Lớp: D16CQDT04-B MSV: B16DCDT140 Ngày sinh: 08/11/1998 CMT/CC: 013509995)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	4.0	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 800), cấp ngày 23/01/2021, thời hạn của chứng chỉ: 23/01/2023
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	3.7	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	5.0	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	5.7	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyển đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
20	Hoàng Trọng Hiệp (Lớp: D16CQDT03-B MSV: B16DCDT063 Ngày sinh: 15/11/1998 CMT/CC: 122242055)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 545), cấp ngày 02/8/2020, thời hạn của chứng chỉ: 02/8/2022
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	0.0	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	-	-	-	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	-	-	-	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
21	Phạm Văn Cao (Lớp: D16CQVT06-B MSV: B16DCVT030 Ngày sinh: 18/09/1998 CMT/CC: 145842123)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	5.3	9	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 510), cấp ngày 17/5/2021, thời hạn của chứng chỉ: 17/5/2023
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	0.0	9	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	0.0	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	0.0	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
22	Dương Hải Đăng (Lớp: D16CQVT05-B MSV: B16DCVT045 Ngày sinh: 06/08/1998 CMT/CC: 145815645)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	5.5	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 570), cấp ngày 07/5/2021, thời hạn của chứng chỉ: 07/5/2023
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	4.4	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	5.9	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	5.9	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
23	Nguyễn Thị Hồng Nhung (Lớp: D16CQVT08-B MSV: B16DCVT232 Ngày sinh: 14/09/1997 CMT/CC: 152171234)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	3.6	8	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 485), cấp ngày 14/5/2021, thời hạn của chứng chỉ: 14/5/2023
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	4.0	8	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	0.0	7	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	3.3	7	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyển đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
24	Nguyễn Trọng Khôi (Lớp: D16CQVT06-B MSV: B16DCVT174 Ngày sinh: 13/06/1998 CMT/CC: 031098000818)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	5.6	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 610), cấp ngày 13/4/2021, thời hạn của chứng chỉ: 13/4/2023
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	7.1	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	6.4	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	6.8	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
25	Nguyễn Duy Long (Lớp: D16CQVT03-B MSV: B16DCVT195 Ngày sinh: 24/07/1998 CMT/CC: 122281715)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	6.7	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 640), cấp ngày 22/10/2019, thời hạn của chứng chỉ: 22/10/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	0.0	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	5.5	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	7.5	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
26	Phan Văn An (Lớp: D16CQVT03-B MSV: B16DCVT003 Ngày sinh: 01/05/1998 CMT/CC: 187582673)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	5.3	9	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 495), cấp ngày 07/4/2021, thời hạn của chứng chỉ: 07/4/2023
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	3.7	9	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	0.0	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	2.6	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
27	Nguyễn Văn Hiếu (Lớp: D16CQVT08-B MSV: B16DCVT120 Ngày sinh: 07/05/1994 CMT/CC: 187461578)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	5.5	8	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 465), cấp ngày 24/4/2021, thời hạn của chứng chỉ: 24/4/2023
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	6.6	8	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	6.1	7	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	0.0	7	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyển đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
28	Phạm Văn Tú (Lớp: D16CQVT04-B MSV: B16DCVT332 Ngày sinh: 18/03/1998 CMT/CC: 017460267)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	5.3	8	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 480), cấp ngày 24/4/2021, thời hạn của chứng chỉ: 24/4/2023
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	4.5	8	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	5.2	7	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	4.8	7	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
29	Hoàng Hồng Hà (Lớp: D16CQVT06-B MSV: B16DCVT102 Ngày sinh: 10/11/1998 CMT/CC: 152177354)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	7.1	8	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 475), cấp ngày 22/01/2021, thời hạn của chứng chỉ: 22/01/2023
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	7.3	8	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	6.6	7	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	5.1	7	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
30	Dương Đức Mạnh (Lớp: D16CQVT02-B MSV: B16DCVT202 Ngày sinh: 03/07/1998 CMT/CC: 001098004459)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	0.0	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 590), cấp ngày 10/5/2021, thời hạn của chứng chỉ: 10/5/2023
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	6.0	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	5.8	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	5.9	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
31	Nguyễn Quang Trường (Lớp: D16CQVT06-B MSV: B16DCVT326 Ngày sinh: 20/06/1998 CMT/CC: 125872533)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	7.0	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 680), cấp ngày 24/4/2021, thời hạn của chứng chỉ: 24/4/2023
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	6.2	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	5.1	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	7.4	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyển đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
32	Phạm Thị Hiên (Lớp: D16CQCN05-B MSV: B16DCCN133 Ngày sinh: 29/05/1998 CMT/CC: 017439389)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	3.3	8	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 480), cấp ngày 23/01/2021, thời hạn của chứng chỉ: 23/01/2023
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	5.8	8	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	0.0	7	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	2.1	7	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
33	Đình Văn Huy (Lớp: D16CQCN06-B MSV: B16DCCN174 Ngày sinh: 26/12/1998 CMT/CC: 013535098)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	5.8	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 635), cấp ngày 23/01/2021, thời hạn của chứng chỉ: 23/01/2023
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	4.1	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	6.4	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	6.4	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
34	Lê Trọng Nghĩa (Lớp: D16CQCN03-B MSV: B16DCCN251 Ngày sinh: 18/11/1998 CMT/CC: 145816373)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	3.6	9	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 535), cấp ngày 24/4/2021, thời hạn của chứng chỉ: 24/4/2023
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	0.0	9	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	4.8	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	0.0	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
35	Vũ Đình Quân (Lớp: D16CQCN03-B MSV: B16DCCN283 Ngày sinh: 14/02/1998 CMT/CC: 036098005211)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	0.0	9	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 510), cấp ngày 23/01/2021, thời hạn của chứng chỉ: 23/01/2023
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	0.0	9	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	4.3	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	0.0	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyển đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
36	Bùi Việt Ngọc (Lớp: D16CQCN06-B MSV: B16DCCN254 Ngày sinh: 15/11/1998 CMT/CC: 017529230)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	4.7	9	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 515), cấp ngày 23/01/2021, thời hạn của chứng chỉ: 23/01/2023
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	3.8	9	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	0.0	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	0.0	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
37	Lê Văn Thành (Lớp: D16CQCN08-B MSV: B16DCCN328 Ngày sinh: 25/11/1998 CMT/CC: 145816380)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	5.0	9	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 520), cấp ngày 24/4/2021, thời hạn của chứng chỉ: 24/4/2023
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	3.8	9	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	0.0	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	3.1	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
38	Phạm Văn Khoa (Lớp: D16CQCN01-B MSV: B16DCCN193 Ngày sinh: 08/10/1998 CMT/CC: 036098003797)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	0.0	9	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 500), cấp ngày 06/01/2021, thời hạn của chứng chỉ: 06/01/2023
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	3.8	9	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	0.0	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	0.0	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
39	Hoàng Văn Cường (Lớp: D16HTTT3 MSV: B15DCCN087 Ngày sinh: 08/02/1997 CMT/CC: 135820951)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 770), cấp ngày 24/4/2021, thời hạn của chứng chỉ: 24/4/2023
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	7.0	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	6.5	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	x	7.7	10	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	x	8.0	10	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyển đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
40	Nguyễn Văn Lực (Lớp: D16CQC�N09-B MSV: B16DCCN508 Ngày sinh: 23/04/1998 CMT/CC: 0)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	4.4	9	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 530), cấp ngày 26/4/2021, thời hạn của chứng chỉ: 26/4/2023
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	0.0	9	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	0.0	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	0.0	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
41	Nguyễn Văn Bảo Khanh (Lớp: D16CQAT02-B MSV: B16DCAT082 Ngày sinh: 30/06/1998 CMT/CC: 187726121)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	7.2	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 580), cấp ngày 28/4/2021, thời hạn của chứng chỉ: 28/4/2023
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	5.1	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	6.3	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	4.3	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
42	Đào Hoàng Hà (Lớp: D16CQAT01-B MSV: B16DCAT045 Ngày sinh: 07/01/1997 CMT/CC: 001097003122)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	3.6	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 590), cấp ngày 12/4/2021, thời hạn của chứng chỉ: 12/4/2023
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	0.0	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	5.1	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	6.1	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
43	Phan Trung Hiếu (Lớp: D16CQAT02-B MSV: B16DCAT058 Ngày sinh: 14/12/1997 CMT/CC: 163446654)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	6.7	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 610), cấp ngày 24/4/2021, thời hạn của chứng chỉ: 24/4/2023
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	7.0	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	7.0	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	0.0	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyển đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
44	Đào Thúy Ngân (Lớp: D16CQAT02-B MSV: B16DCAT114 Ngày sinh: 27/01/1998 CMT/CC: 017423983)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	5.0	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 560), cấp ngày 24/4/2021, thời hạn của chứng chỉ: 24/4/2023
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	5.1	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	5.8	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	5.2	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
45	Nguyễn Thành Long (Lớp: D16CQAT04-B MSV: B16DCAT096 Ngày sinh: 03/10/1995 CMT/CC: 017419730)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	7.9	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 875), cấp ngày 24/4/2021, thời hạn của chứng chỉ: 24/4/2023
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	7.7	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	6.6	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	8.6	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
46	Hồ Anh Khoa (Lớp: D16CQAT01-B MSV: B16DCAT085 Ngày sinh: 16/02/1997 CMT/CC: 174691381)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 535), cấp ngày 24/4/2021, thời hạn của chứng chỉ: 24/4/2023
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	7.4	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	5.7	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	x	0.0	8	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	x	5.0	8	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
47	Phan Xuân Long (Lớp: D16CQAT02-B MSV: B16DCAT098 Ngày sinh: 30/11/1998 CMT/CC: 168615635)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	0.0	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 780), cấp ngày 24/4/2021, thời hạn của chứng chỉ: 24/4/2023
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	4.6	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	6.8	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	0.0	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyển đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
48	Nghiêm Xuân Hợp (Lớp: D16CQAT01-B MSV: B16DCAT069 Ngày sinh: 26/05/1998 CMT/CC: 001098001793)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	0.0	9	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 525), cấp ngày 24/4/2021, thời hạn của chứng chỉ: 24/4/2023
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	4.3	9	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	0.0	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	0.0	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
49	Tạ Tất Thành (Lớp: D16CQAT01-B MSV: B16DCAT149 Ngày sinh: 14/10/1997 CMT/CC: 001097004414)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	5.1	9	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 515), cấp ngày 24/4/2021, thời hạn của chứng chỉ: 24/4/2023
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	0.0	9	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	0.0	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	5.6	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
50	Hạ Viết Huy (Lớp: D16CQAT04-B MSV: B16DCAT076 Ngày sinh: 20/07/1998 CMT/CC: 001098007430)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	6.2	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 565), cấp ngày 17/5/2021, thời hạn của chứng chỉ: 17/5/2023
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	7.2	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	6.9	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	6.2	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
51	Nguyễn Thị Nguyệt (Lớp: D16CQQT04-B MSV: B16DCQT104 Ngày sinh: 10/01/1998 CMT/CC: 125856971)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	4.5	9	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 495), cấp ngày 07/4/2021, thời hạn của chứng chỉ: 07/4/2023
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	4.9	9	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	5.0	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	4.5	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	

Danh sách gồm 51 sinh viên

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyển đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	

LẬP BIỂU

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Chu Phương Hiền

TS. Vũ Tuấn Lâm